

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX  
VINACONEX CORPORATION  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25  
VINACONEX 25 JSC.,

Số: 319 CV/2026/VC25-CBTT  
No.: 319 CV/2026/VC25-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2026  
Danang, 20 May 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
*To: Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Vinaconex 25/*Vinaconex 25 JSC.*,
  - Mã chứng khoán/*Stock code*: VCC
  - Địa chỉ/*Address*: 89A Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng/89A Phan Dang Luu Str, Hoa Cuong Ward, Da Nang City
  - Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0236.3621 632 Fax: 0236.3621 638
  - E-mail: info@vinaconex25.com.vn
  - Website: vinaconex25.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of disclosure*:

Ngày 19/5/2026, Công ty đã nhận Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 45522/26 ngày 18/05/2026 với việc xác nhận thay đổi ngành nghề kinh doanh theo đính kèm.  
*On 19 May 2026, the Company received the Certificate of Change of Enterprise Registration Contents No. 45522/26 dated 18 May 2026 with the confirmation of the change of business line as attached.*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/5/2026 tại đường dẫn: [vinaconex25.com.vn](http://vinaconex25.com.vn) (mục *Quan hệ cổ đông*).  
*This information has been published on Vinaconex 25's website dated 20 May 2026 at link: vinaconex25.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.  
*We would like to commit that the information published above is true and fully responsible before the law for the content of the published information.*

\* *Tài liệu đính kèm/Attachment*:  
- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

**Đại diện tổ chức/Representative of Vinaconex 25**  
Người Ủy Quyền CBTT/*The authorised person to disclose information*



Lê Thị Thanh Thảo

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 05 năm 2026

Số:



45522/26

## GIẤY XÁC NHẬN

### VỀ VIỆC THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

PHÒNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Đà Nẵng  
Địa chỉ trụ sở: Tầng 6, 7, 8 Tòa nhà Hành chính, 24 Trần Phú, Phường Hải Châu,  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3821755

Số Fax:

Thư điện tử: dkkdstc@danang.gov.vn

Website:

taichinh.danang.gov.vn

### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Mã số doanh nghiệp: 4000378261

### Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2	Lắp đặt hệ thống điện	4321
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622
4	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Khai thác, kinh doanh nước sạch.	3530
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
6	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (ngoại trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyên nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng tại mục A.7, Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo cháy, phòng cháy, chữa cháy, thang máy.	4329
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy. Loại trừ: Hàng hóa (thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) thuộc Mục A.15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư	4659
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	2392
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng (ngoại trừ dịch vụ nổ mìn thuộc mục A.10 Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư)	4312
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
15	Bốc xếp hàng hóa Loại trừ: bốc xếp hàng hoá cảng hàng không (mã ngành 52245)	5224
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (tại chân công trình)	2592
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar)	5630
20	Cho thuê xe có động cơ	7710
21	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Trùng tu di tích, thi công, lắp đặt đường ống cho khai khoáng.	4390
23	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
24	Xây dựng nhà để ở	4101
25	Xây dựng nhà không để ở	4102
26	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Xây dựng công trình điện (ngoại trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội theo Mục 11 – Danh mục hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại ban hành kèm theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ).	4221
29	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31	Xây dựng công trình công ích khác	4229
32	Xây dựng công trình thủy (ngoại trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội theo Mục 11 – Danh mục hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại ban hành kèm theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ).	4291
33	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
34	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
35	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
37	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
38	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị; thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng; thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; khảo sát trắc địa công trình; thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng; lập và thẩm định dự án đầu tư (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định pháp luật); tư vấn đấu thầu, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình; giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình; giám sát công tác lắp đặt hệ thống điều hoà không khí công trình. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy, chữa cháy.	7110
39	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo an toàn lao động, vệ sinh lao động.	8559
40	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác đất san lấp, đất thi công đắp nền đường.	0899
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò khoáng sản.	0990

STT	Tên ngành	Mã ngành
42	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (ngoại trừ hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định của pháp luật)	3290
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ lấy lại tài sản và hoạt động đấu giá). Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải	8299
44	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động điều hành các bến, bãi xe ô tô; Hoạt động quản lý, điều hành giao thông của các đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ.	5225
45	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
46	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
47	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp tủ, bảng điện (không hoạt động tại trụ sở)	2790
48	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
49	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hàng hóa (thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) thuộc Mục A.16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư	4679
50	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở)	3312
51	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	3101
52	Đại lý lữ hành (ngoại trừ Kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam tại Mục A.23 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư)	7911
53	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	3102

STT	Tên ngành	Mã ngành
54	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6821
55	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (không hoạt động tại trụ sở và ngoại trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế- xã hội theo Mục 11- Danh mục hàng hoá, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại ban hành kèm theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10/8/2017 của Chính phủ)	3511
56	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
57	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (riêng xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi bán tại chân công trình)	4752
58	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	7499
59	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác (không hoạt động tại trụ sở)	3109
60	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (không đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở)	9531
61	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
62	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
63	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)	7020
64	Dịch vụ vệ sinh khác	8129
65	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá (không hoạt động tại trụ sở)	2396
66	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (không hoạt động tại trụ sở và ngoại trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế- xã hội theo Mục 11- Danh mục hàng hoá, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền Nhà nước trong hoạt động thương mại ban hành kèm theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10/8/2017 của Chính phủ)	3512
67	Dịch vụ cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ phòng chống mối mọt	8130
68	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520

STT	Tên ngành	Mã ngành
69	Doanh nghiệp sản xuất, chế biến chỉ hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây tác động môi trường tại địa điểm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành đã được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo quy định. Doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện kinh doanh khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Trường hợp có phản ánh, khiếu kiện của người dân địa phương về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, doanh nghiệp phải chấp hành di dời cơ sở kinh doanh đó theo yêu cầu của cơ quan chức năng.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

***Nơi nhận:***

-CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25.  
Địa chỉ: 89A Phan Đăng Lưu, Phường Hòa  
Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Phạm Duy Cường.....

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

-----  
Danang, 18 May 2026

## **CONFIRMATION**

*On the change of enterprise registration contents*

**DEPARTMENT OF ENTERPRISES AND BUSINESS REGISTRATION: Danang  
City**

**Address:** Floors 6, 7, 8 – Administrative Center Building, 24 Tran Phu Street, Hai Chau  
Ward, Da Nang City, Vietnam

**Tel: 0236.3821755 Fax:**

**Email:** [dkkdsc@danang.gov.vn](mailto:dkkdsc@danang.gov.vn)

**Website:** taichinh.danang.gov.vn

### **This is to certify that:**

**Enterprise Name:** VINACONEX 25 JOINT STOCK COMPANY

**Enterprise Code:** 4000378261

The enterprise has submitted notification of changes to business registration information to the Business Registration Authority.

The updated information has been recorded in the National Business Registration Information System as follows:

<b>Item</b>	<b>Business lines</b>	<b>Code</b>
1	Building completion and finishing	4330
2	Electrical system installation	4321
3	Production of construction furniture (not operating at the head office)	1622
4	Production, distribution of steam, hot water, air conditioning and ice production Detail: Exploitation and trading of clean water	3530
5	Mining of stone, sand, gravel, clay (not operating at the head office)	0810
6	Drainage and wastewater treatment	3700
7	Trading in real estate, land use rights belonging to owners, users or tenants Details: Investment in construction and real estate business (except for investment in the construction of cemetery and graveyard infrastructure for the transfer of land use rights associated with infrastructure in Section A.7, Appendix I of	6810

Item	Business lines	Code
	the Government's Decree No. 96/2026/ND-CP dated March 31, 2026 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Investment).	
8	Installation of other construction systems Details: Installation of fire alarm systems, fire prevention and fighting, elevators	4329
9	Wholesale of other machinery, equipment and machine parts Details: Wholesale of construction machinery and equipment; Wholesale of machinery, electrical equipment, electrical materials (generators, electric motors, wires and other equipment used in electrical circuits). Wholesale Trading of fire prevention and fighting means, equipment and supplies. Exclusions: Goods (cigarettes and cigars, books, newspapers and magazines, recorded articles, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and processed oil, rice, sugar, sugarcane and beet sugar) in Section A.15 of Appendix I issued together with the Government's Decree No. 96/2026/ND-CP dated March 31, 2026 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Investment)	4659
10	Road freight transport	4933
11	Production of building materials from clay (not operating at the head office)	2392
12	Demolition	4311
13	Site preparation (except for blasting services in Section A.10, Appendix I of the Government's Decree No. 96/2026/ND-CP dated March 31, 2026 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Investment).	4312
14	Manufacture of metal components (not operating at the head office)	2511
15	Loading and unloading of goods Except for loading and unloading of cargo at airports (industry code 52245)	5224
16	Warehousing and storage of goods	5210
17	Mechanical Processing; Metal treatment and coating (at the base of the building)	2592
18	Restaurants and mobile dining services	5610

<b>Item</b>	<b>Business lines</b>	<b>Code</b>
19	Beverage service (except bar)	5630
20	Motor Car Rental	7710
21	Wholesale of other household items Details: Wholesale of household electrical appliances, lamps and luminaires; Wholesale of beds, cabinets, tables and chairs and similar furniture	4649
22	Other Specialized Construction Activities Details: Restoration of relics, construction, installation of pipelines for mining	4390
23	Production of concrete and products from concrete, cement and gypsum (not operating at the head office)	2395
24	Construction of residential buildings	4101
25	Construction of non-residential buildings	4102
26	Railway construction	4211
27	Road and highway construction	4212
28	Construction of electrical works (except for multi-purpose hydropower and nuclear power of special socio-economic significance according to Section 11 - List of goods, services and areas exercising the State's monopoly in commercial activities issued together with the Government's Decree No. 94/2017/ND-CP dated August 10, 2017)	4221
29	Construction of water supply and drainage works	4222
30	Construction of telecommunications and communication works	4223
31	Construction of other public-utility works	4229
32	Construction of Hydraulic works (except for multi-purpose hydropower and nuclear power of special socio-economic significance according to Section 11 - List of goods, services and areas exercising the State's monopoly in commercial activities issued together with the Government's Decree No. 94/2017/ND-CP dated August 10, 2017)	4291
33	Construction of mining works	4292
34	Construction of processing and manufacturing works	4293
35	Installation of water supply, drainage, heating and air conditioning systems	4322
36	Rental of machinery, equipment and other tangible utensils without an operator	7730
37	Construction of other civil engineering works	4299 (Main)

Item	Business lines	Code
38	Architectural activities and related technical consultancy Details: Master plan design, interior and exterior architecture for civil and industrial construction works, urban planning design; structural design for civil and industrial construction works; design of traffic infrastructure, ground leveling, drainage of construction works; design of water supply and drainage systems for construction works; surveying of construction works; electrical design for civil and industrial works; electromechanical design for civil and industrial works; construction investment consultancy; preparation and appraisal of investment projects (only operating when fully qualified as prescribed by law); bidding consultancy, construction investment project management; supervision of construction and completion of works; supervision of electrical installation and electrical equipment of works; supervision of air conditioning system installation of works. Design consultancy, supervision consultancy on fire prevention and fighting.	7110
39	Other education has not been classified anywhere Details: Occupational safety and hygiene training	8559
40	Other mining has not been classified anywhere Detail: Exploitation of land leveling, land for roadbed embankment construction	0899
41	Other mining support services Details: Mineral Exploration	0990
42	Other production has not been classified anywhere (except for goods that foreign investors and foreign-invested enterprises are not allowed to be carried out in accordance with law)	3290
43	Other business support services that have not been classified anywhere (except for asset recovery services and auction activities) Except for: Exercising the right to export, import and distribute goods on the list of goods that foreign investors and foreign-invested economic organizations are not allowed to exercise the right to export, import and distribute: cigars and cigars, books, etc newspapers and magazines, recorded articles, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude and processed oil, rice, cane sugar and beet sugar	8299

Item	Business lines	Code
44	Activities of direct support services for road transport Details: Support activities related to passenger and freight transport by road; Operation of bus stations and parking lots; Management and operation of traffic on expressways, bridges, and road tunnels; Management of parking lots and road vehicle storage; Other support services related to road transport.	5225
45	Manufacturing wires, cables and other electronics	2732
46	Manufacturing of Civil Electrical Appliances	2750
47	Other Electrical Equipment Manufacturing Details: Manufacturing, assembling cabinets, electrical panels (not operating at the head office)	2790
48	Scientific research and technological development in the field of science, engineering and technology	7212
49	Other specialized wholesalers have not been classified anywhere Except for: Goods (cigarettes and cigars, books, newspapers and magazines, recorded articles, precious metals and gemstones, pharmaceuticals, explosives, crude oil and processed oil, rice, cane sugar and beet sugar) in Section A.16 Appendix I issued together with the Government's Decree No. 96/2026/ND-CP dated March 31, 2026 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Investment	4679
50	Repair and maintenance of machinery and equipment (no stamping, cutting, mounding, welding, painting at the head office)	3312
51	Production of wooden beds, cabinets, tables, chairs (not operating at the head office)	3101
52	Travel Agents (except for travel services, except for international travel services serving international tourists to Vietnam in Section A.23, Appendix I issued together with the Government's Decree No. 96/2026/ND-CP dated March 31, 2026 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Investment)	7911
53	Production of metal beds, cabinets, tables, chairs (not operating at the head office)	3102
54	Intermediary services for real estate activities Detail: Real estate consulting, brokerage	6821

<b>Item</b>	<b>Business lines</b>	<b>Code</b>
55	Generate electricity from non-renewable energy sources (not operating at the head office and except for multi-purpose hydropower and nuclear power of special socio-economic significance according to Section 11 - List of goods, services and areas exercising the State's monopoly in commercial activities issued together with the Government's Decree No. 94/2017/ND-CP dated August 10, 2017)	3511
56	Other educational support activities	8569
57	Retail of Furniture, Paint, Glass, Materials and Other Installation Equipment in Construction (especially for cement, masonry bricks, tiles, stones, sand, gravel sold at the construction site)	4752
58	The remaining professional, scientific and technological activities have not been classified anywhere	7499
59	Manufacture of beds, cabinets, tables and chairs with other materials (not operating at the head office)	3109
60	Repair and maintenance of automobiles and other motor vehicles (no stamping, cutting, mounding, welding, painting at the head office)	9531
61	Hotels and similar accommodations	5510
62	Wholesale of other installation materials and equipment in construction	4673
63	Business management consultancy activities and other management consultancy activities Details: Project management consultancy (except legal, financial, accounting consultancy)	7020
64	Other cleaning services	8129
65	Cutting, shaping and finishing stones (not operating at the head office)	2396
66	Generate electricity from renewable energy sources (not operating at the head office and except for multi-purpose hydropower and nuclear power of special socio-economic significance according to Section 11 - List of goods, services and areas exercising the State's monopoly in commercial activities issued together with the Government's Decree No. 94/2017/ND-CP dated August 10, 2017)	3512
67	Landscaping Services Details: Termite prevention services	8130

Item	Business lines	Code
68	Other Short Stay Services	5520
69	Manufacturing and processing enterprises only operate in the production, business and service lines that cause environmental impacts at the location in accordance with the approved land use planning, construction planning, and sector planning; locations for implementation of production, business and service projects must ensure environmental safety distances and hygiene protection distances as prescribed. Enterprises must fully meet the conditions on land business, construction, environmental protection, fire prevention and fighting and other business conditions as prescribed by law; to ensure the maintenance of such business investment conditions throughout the course of business operation. In case there is a complaint or complaint from local people about business activities causing environmental pollution, the enterprise must comply with the relocation of such business establishment at the request of the authority.	Industries and trades that have not matched the code with the system of economic sectors in Vietnam

**Recipients:**

- Vinaconex 25 Joint Stock Company
- Address: 89A Phan Dang Luu, Hoa Cuong Ward,  
Da Nang City, Vietnam
- Save: Pham Duy Cuong.

**Signed on behalf of the head of the  
department  
Deputy Head of Department  
(Signed, full name and sealed)  
Tran Anh Dung**